TỈNH ỦY ĐẮK LẮK
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
*

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM

DANH SÁCH HỌC VIÊN LỚP TRUNG CẤP LÝ LUẬN CHÍNH TRỊ - K31C
HỆ KHÔNG TẬP TRUNG, KHÓA HỌC 2022- 2024
DỰ THI KẾT THÚC PHẦN HỌC

Phần học: A. V+ VI Nội dung cơ bản của CNXHKH + Nhận thức về CNXH và con đường .....

Ngày thi: Ngày 14 tháng 02 năm 2023;

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
1	Nguyễn Hùng	Anh	18/5/1975	02		13	7,0	Bảy
2	Nông Tuấn	Anh	23/12/1983	02		42	7,25	Bảy, hai năm
3	Nguyễn Danh	Chung	26/3/1982	03		21	7,25	Bảy, hai năm
4	Trịnh Quang	Cơ	12/5/1974	02		28	8,0	Tám
5	Hồ Thị	Cúc	25/3/1983	02		20	7,25	Bảy, hai năm
6	Đàm Chí	Cường	15/3/1985	03		48	7,5	Bảy, năm
7	Đặng Thọ	Dần	06/01/1974	02		24	8,0	Tám
8	Lý Bình	Dương	01/4/1976	02		9	6,5	Sáu, năm
9	Nguyễn Thái	Hà	23/7/1978	02		17	7,0	Bảy
10	Nguyễn Thị	Hạnh	05/10/1984	03		25	7,5	Bảy, năm
11	Nguyễn Thị Mỹ	Hạnh	06/6/1984	02		37	7,25	Bảy, hai năm
12	Nguyễn Thị Thanh	Hoa	16/4/1975	02		16	7,25	Bảy, hai năm
13	Nguyễn Văn	Hóa	20/10/1980	02		12	7,0	Bảy
14	Dương Thị Thanh	Hoài	19/6/1982	03		3	7,5	Bảy, năm
15	Phạm Văn	Hoàn	20/5/1974	02		39	7,0	Bảy
16	Lê Văn	Hợi	06/8/1984	02		53	7,25	Bảy, hai năm
17	Đỗ Thị Ánh	Hồng	13/03/1984	02		52	7,0	Bảy
18	Lưu Ánh	Hồng	18/01/1980	02		35	7,25	Bảy, hai năm
19	Đinh Ngọc	Huệ	21/01/1988	02		47	7,5	Bảy, năm
20	Văn Đức	Hùng	23/7/1981	02		7	7,0	Bảy

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
21	Phan Phương	Huyền	10/11/1986	02		54	7,5	Bảy, năm
22	Y Hô	Kbuôr	01/9/1981	02		2	7,5	Bảy, năm
23	Lý Ngọc	Khương	02/02/1982	03		11	7,5	Bảy, năm
24	H Kiết	Kpơr	13/7/1989	02		38	7,25	Bảy, hai năm
25	Y Per	Kriêng	08/01/1983	02		30	7,25	Bảy, hai năm
26	Y Winh	Ktla	25/4/1987	02		50	7,0	Bảy
27	Nguyễn Trường	Kỳ	05/4/1984	02		41	7,5	Bảy, năm
28	Ngô Đức	Liên	31/5/1983	02		44	7,0	Bảy
29	Nguyễn Văn	Lương	02/5/1982	02		14	7,0	Bảy
30	Nguyễn Thế	Mạnh	15/4/1983	02		33	7,25	Bảy, hai năm
31	Đinh Thị	Mến	16/7/1983	03		8	7,75	Bảy, bảy năm
32	Nguyễn Văn	Minh	11/12/1973	02		22	7,0	Bảy
33	Nguyễn Văn	Na	20/8/1985	02		10	7,0	Bảy
34	Hồ Thị Kim	Ngọc	20/10/1983	02		51	7,5	Bảy, năm
35	Vũ Xuân	Ngọc	13/3/1985	02		34	7,25	Bảy, hai năm
36	Phan Nhật	Nguyên	02/12/1977	02		19	7,0	Bảy
37	H Kam Ly	Niê	08/4/1988	02		48	7,5	Bảy, năm
38	Phạm Thị	Phúc	10/8/1983	02		15	7,0	Bảy
39	Hà Thị	Phương	29/4/1983	03		1	7,25	Bảy, hai năm
40	Mai Hồng	Song	17/6/1981	03		5	7,5	Bảy, năm
41	Nguyễn Thị Kim	Thanh	28/11/1987	02		40	8,5	Tám, năm
42	Nguyễn Văn	Thanh	24/3/1986	02		43	7,0	Bảy
43	Trịnh Tất	Thành	12/5/1986	02		32	7,25	Bảy, hai năm
44	Trần Văn	Thạnh	17/11/1979	03		4	7,0	Bảy
45	Đinh Thị	Thơm	12/10/1984	02		29	7,5	Bảy, năm
46	Dương Xuân	Thông	25/10/1980	02		46	7,0	Bảy

Sbd	Họ và tên		Năm sinh	Số tờ	Ký nộp bài	Số phách	Điểm số	Điểm chữ
47	Nguyễn Bá	Thực	19/9/1985	02	Thực	31	7,5	Bảy, năm
48	Lê Văn	Tiến	15/8/1987	02	Tiến	23	7,25	Bảy, hai năm
49	Nguyễn Hồng	Tính	22/10/1987	02	Tính	26	7,0	Bảy
50	Kiều Thế	Tình	14/01/1977	02	Tình	36	7,0	Bảy
51	Đỗ Văn	Toàn	10/3/1980	02	Toàn	6	7,25	Bảy, hai năm
52	Nguyễn Thị Huyền	Trang	18/5/1985	02	Trang	27	7,25	Bảy, hai năm
53	Nguyễn Thị Thu	Trang	10/5/1982	02	Trang	45	7,25	Bảy, hai năm
54	Nguyễn Thị Hải	Vân	23/11/1974	02	Vân	19	7,25	Bảy, hai năm

Tổng số học viên theo danh sách: 54 học viên;

Số học viên đủ điều kiện dự thi: 54 học viên;

Số học viên không đủ điều kiện dự thi: 0 học viên;

Số bài thi hiện có: 54 bài/ 117 tờ.

CÁN BỘ COI THI 01

Lê Thị Thu

CÁN BỘ COI THI 02

Vũ Văn Bắc

NGƯỜI KIỂM TRA VÀO PHÁCH VÀ ĐIỂM

Ngày 02 tháng 3 năm 2023

Nguyễn Văn Sướng

TRƯỞNG KHOA

NGƯỜI VÀO ĐIỂM

Ngày 02 tháng 3 năm 2023

Đoàn Thị Mai

TRƯỞNG PHÒNG QLĐT & NCKH

TS. Lê Duyên Hà

BAN GIÁM HIỆU

ĐẢNG CỘNG SẢN VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ
TỈNH ỦY ĐẮK LẮK

Nguyễn Thành Dũng